

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ THĂNG LONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Địa chỉ: F507-509, Charmvit Tower 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 6
Báo cáo Kiểm toán	7
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	8 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Địa chỉ: F507-509, Charmvit Tower 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013.

KHAI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 12/04/2007 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303010001 ngày 17/04/2007 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Tên đầy đủ và địa chỉ pháp nhân của Công ty là: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long, địa chỉ pháp nhân: F507-509, Charmvit Tower 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Danh vụ quảng cáo được trình bày và chi tiết tại phần phụ lục đính kèm.

Tên thương hiệu được trình bày và chi tiết tại phần phụ lục đính kèm.

Tên nhãn hiệu được trình bày và chi tiết tại phần phụ lục đính kèm.

Địa chỉ kinh doanh được trình bày và chi tiết tại phần phụ lục đính kèm.

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thương mại, văn phòng, nhà ở và các công trình khác.

Xây dựng, lắp đặt và vận hành các hệ thống điện, nước, khí, lạnh và các hệ thống khác.

Đầu tư, quản lý và vận hành các công trình, hệ thống điện, nước, khí, lạnh và các hệ thống khác.

Đầu tư, quản lý và vận hành các công trình, hệ thống điện, nước, khí, lạnh và các hệ thống khác.

Đầu tư, quản lý và vận hành các công trình, hệ thống điện, nước, khí, lạnh và các hệ thống khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300446 ngày 27 tháng 7 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 0101164614.

Theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ quảng cáo thương mại và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm và các sự kiện văn hóa thể thao;
- Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- Đại lý kinh doanh xuất bản phẩm được phép lưu hành;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, khu vui chơi giải trí và công trình văn hóa;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- Đầu tư nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa - thể thao;
- Đầu tư, khai thác, kinh doanh khu vui chơi giải trí (trừ loại Nhà nước cấm), văn hóa thể thao;
- Đầu tư, khai thác, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ truyền thông đa phương tiện (trong lĩnh vực Nhà nước cho phép);
- Tư vấn đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp; Tư vấn đầu tư; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán);
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức và kim loại quý khác (không bao gồm các loại Nhà nước cấm);
- Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ ngành kim hoàn;
- Tư vấn, gia công, chế tác vàng bạc, đá quý, đồ trang sức;
- Dịch vụ chuyên môn về vàng, bạc, đá quý: cân thử, xác định chất lượng, sửa chữa, tư vấn thời trang vàng, bạc, đá quý;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành kim hoàn;
- Đào tạo, dạy nghề trong lĩnh vực: kim hoàn, ngoại ngữ, tin học, quản trị văn phòng, chiến lược kinh doanh, marketing (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Lập trình máy tính, tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THẮNG LONG

Địa chỉ: F507-509, Charmvit Tower 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Dịch vụ cầm đồ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán, chế biến các mặt hàng nông lâm, thủy hải sản, đồ gỗ mỹ nghệ (không bao gồm các loại gỗ và lâm sản Nhà nước cấm);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Môi giới thương mại, đại diện thương nhân và xúc tiến đầu tư (trong kinh doanh vàng);
- Dịch vụ lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin vui chơi giải trí với phát thanh, truyền hình, điện thoại và các phương tiện thông tin đại chúng (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
- Phát triển phần mềm máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- Nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa - thể thao;
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa - thể thao;
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ phục vụ ngành công nghiệp vừa và nhỏ (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Khảo sát, giám sát công trình xây dựng;
- Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, soạn thảo hồ sơ mời thầu;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư tài chính);
- Sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
- Tư vấn thi công và lắp đặt hệ thống máy tính và hệ thống tin học, thiết kế, tạo lập trang chủ trên internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và các công nghệ truyền thông;
- Sản xuất, buôn bán thiết bị tin học, viễn thông, văn phòng, phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ;
- Đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm, phần cứng viễn thông (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đại lý dịch vụ điện tử, tin học, viễn thông, internet và công nghệ thông tin;
- Cung cấp nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng trên máy tính và mạng điện thoại di động;
- Sản xuất, chế biến, khai thác và mua bán khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THẮNG LONG

Địa chỉ: F507-509, Charmvit Tower 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Mua bán và cho thuê máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường: nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường, nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Công thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận về sản phẩm doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ điều tra thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ (trừ phương thức vận tải bằng xe buýt và đường sắt);
- Dịch vụ tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất nhập khẩu lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản);
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty tại F507-509, Charmvit Tower 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 16.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền tương ứng</u>	<u>Tỷ lệ/Vốn điều lệ</u>
Vốn góp nhà nước	0	0	0 %
Vốn góp của cổ đông khác	16.500.000	165.000.000.000	100 %
	16.500.000	165.000.000.000	100,00%

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Địa chỉ: F507-509, Charmvit Tower 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 29/04/2011
Ông Lê Văn Châu	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/12/2011
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/4/2011
Bà Hồ Thanh Hương	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 29/4/2011
Ông Nguyễn Xuân Biều	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 26/4/2012
Ông Lê Thái Hưng	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 26/04/2012

Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Nguyễn Phúc Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2011
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tháng 7/2007
Ông Torsten Illgen	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tháng 8/2010
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tháng 5/2011

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Trần Hải Văn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/04/2011
Bà Nguyễn Thị Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2011
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Địa chỉ: F507-509, Charmvit Tower 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Hà Nội, ngày 30 tháng 1 năm 2013

**Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc**



Nguyễn Phúc Long

Số:1954/BCKT/TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long được lập ngày 30/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 08 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K với ý kiến chấp nhận toàn phần của Kiểm toán viên.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy pháp lý có liên quan.

**Nguyễn Việt Long****Phó Giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0692/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 27 tháng 03 năm 2013

Trần Trí Dũng**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0895/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.251.835.610	35.280.436.501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	33.521.789.038	2.298.345.740
1. Tiền	111		33.521.789.038	98.345.740
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	4.845.336.847	8.171.051.512
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.389.926.847	12.567.521.512
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		(3.544.590.000)	(4.396.470.000)
III. Các khoản phải thu	130		21.412.378.668	15.382.026.269
1. Phải thu của khách hàng	131		2.439.840.912	2.511.993.489
2. Trả trước cho người bán	132		1.575.539.755	2.540.869.632
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HỖXĐ	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	17.396.998.001	10.329.163.148
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.361.843.389	4.938.343.812
1. Hàng tồn kho	141	V.04	5.361.843.389	4.938.343.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.110.487.668	4.490.669.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		295.042.731	257.138.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.481.955.752	415.395.649
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	333.489.185	3.818.135.203
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.937.524.614	232.003.750.684
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.197.979.255	4.416.786.233
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	3.073.437.592	4.261.744.570
- Nguyên giá	222		8.139.459.793	8.089.287.976
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(5.066.022.201)	(3.827.543.406)

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	124.541.663	155.041.663
- Nguyên giá	228		305.000.000	305.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(180.458.337)	(149.958.337)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	212.409.528.262	213.924.418.547
1. Đầu tư vào công ty con	251		128.109.796.175	180.174.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		46.290.769.231	2.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		38.026.341.206	31.149.918.547
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(17.378.350)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.09	6.330.017.097	13.662.545.904
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		705.563.623	567.798.782
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.706.352	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.594.747.122	13.094.747.122
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		289.189.360.224	267.284.187.185

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		120.718.729.240	99.099.167.729
I. Nợ ngắn hạn	310		49.945.661.697	36.835.229.255
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	-	5.873.440.308
2. Phải trả người bán	312		2.705.958.667	8.296.923.436
3. Người mua trả tiền trước	313		30.263.523.850	289.168.450
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	831.304.573	461.379.844
5. Phải trả công nhân viên	315		551.751.013	113.963.096
6. Chi phí phải trả	316	V.12	1.620.551.004	4.162.381.573
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	12.788.323.773	16.187.539.932
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.184.248.817	1.450.432.616
II. Nợ dài hạn	330		70.773.067.543	62.263.938.474
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	12.000.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	53.436.346.182	59.885.510.292
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	12.342.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.16	5.336.721.361	2.366.086.182
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.470.630.984	168.185.019.456
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	168.470.630.984	168.185.019.456
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		165.000.000.000	165.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		989.269.170	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		989.269.170	989.269.170
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	989.269.170
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.492.092.644	1.206.481.116
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289.189.360.224	267.284.187.185

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007			
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng



Trần Xuân Đại Thắng

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phúc Long

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

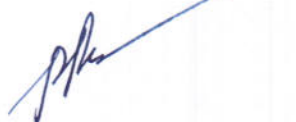
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.18	9.591.878.507	7.091.404.296
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
- Chiết khấu bán hàng	02a		-	-
- Giảm giá hàng bán	02b		-	-
- Hàng bán bị trả lại	02c		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.19	9.591.878.507	7.091.404.296
4. Giá vốn hàng bán	11	V.20	8.970.192.135	6.485.306.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		621.686.372	606.097.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.21	10.256.002.993	16.114.788.010
7. Chi phí tài chính	22	V.22	2.487.059.303	9.516.799.443
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.112.560.184	5.120.329.443
8. Chi phí bán hàng	24		77.871.508	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.102.934.496	6.299.578.787
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.209.824.058	904.507.320
11. Thu nhập khác	31	V.23	12.342.000	101.915.674
12. Chi phí khác	32	V.24	96.125.292	177.540.171
13. Lợi nhuận khác	40		(83.783.292)	(75.624.497)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.126.040.766	828.882.823
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.25	457.538.009	378.078.705
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(29.706.352)	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		698.209.109	450.804.118
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17.4	42	29

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng



Trần Xuân Đại Thắng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phúc Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		22.544.663.324	1.048.618.052
1. Lợi nhuận trước thuế		1.126.040.766	828.882.823
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định		1.268.978.795	1.231.834.728
- Các khoản dự phòng		(834.501.650)	4.396.470.000
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác		(9.047.002.224)	(16.114.788.010)
- Chi phí lãi vay		2.112.560.184	5.120.329.443
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.373.924.129)	(4.537.271.016)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		4.954.293.619	3.934.376.224
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(423.499.577)	(3.624.273.967)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		36.178.800.489	12.022.050.110
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(175.669.256)	(407.046.953)
- Tiền lãi vay đã trả		(4.450.920.229)	(1.899.742.597)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(140.000.000)	(403.473.749)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(8.024.417.593)	(4.036.000.000)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		6.460.125.841	(4.168.438.488)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(50.171.817)	(264.597.345)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.972.972.024)	(34.853.880.147)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.150.566.689	35.267.596.205
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	01	(41.940.000.000)	(52.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	02	37.351.350.000	46.508.699.150
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.921.352.993	1.873.743.649
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		2.218.654.133	1.074.343.541
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	03	67.836.629.700	26.772.313.415
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	04	(65.617.975.567)	(25.697.969.874)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		31.223.443.298	(2.045.476.895)
Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.298.345.740	4.343.822.635
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm		33.521.789.038	2.298.345.740

Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng



Trần Xuân Đại Thắng

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phúc Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300446 ngày 27 tháng 7 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 0101164614.

Trụ sở chính của Công ty tại F507-509, Charmvit Tower 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ quảng cáo thương mại và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm và các sự kiện văn hóa thể thao;
- Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- Đại lý kinh doanh xuất bản phẩm được phép lưu hành;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, khu vui chơi giải trí và công trình văn hóa;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- Đầu tư nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa - thể thao;
- Đầu tư, khai thác, kinh doanh khu vui chơi giải trí (trừ loại Nhà nước cấm), văn hóa thể thao;
- Đầu tư, khai thác, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ truyền thông đa phương tiện (trong lĩnh vực Nhà nước cho phép);
- Tư vấn đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp; Tư vấn đầu tư; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán);
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức và kim loại quý khác (không bao gồm các loại Nhà nước cấm);
- Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ ngành kim hoàn;
- Tư vấn, gia công, chế tác vàng bạc, đá quý, đồ trang sức;
- Dịch vụ chuyên môn về vàng, bạc, đá quý: cân thử, xác định chất lượng, sửa chữa, tư vấn thời trang vàng, bạc, đá quý;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành kim hoàn;

- Đào tạo, dạy nghề trong lĩnh vực: kim hoàn, ngoại ngữ, tin học, quản trị văn phòng, chiến lược kinh doanh, marketing (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Lập trình máy tính, tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán, chế biến các mặt hàng nông lâm, thủy hải sản, đồ gỗ mỹ nghệ (không bao gồm các loại gỗ và lâm sản Nhà nước cấm);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Môi giới thương mại, đại diện thương nhân và xúc tiến đầu tư (trong kinh doanh vàng);
- Dịch vụ lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin vui chơi giải trí với phát thanh, truyền hình, điện thoại và các phương tiện thông tin đại chúng (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
- Phát triển phần mềm máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- Nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa - thể thao;
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa - thể thao;
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ phục vụ ngành công nghiệp vừa và nhỏ (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Khảo sát, giám sát công trình xây dựng;
- Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, soạn thảo hồ sơ mời thầu;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư tài chính);
- Sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
- Tư vấn thi công và lắp đặt hệ thống máy tính và hệ thống tin học, thiết kế, tạo lập trang chủ trên internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và các công nghệ truyền thông;
- Sản xuất, buôn bán thiết bị tin học, viễn thông, văn phòng, phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ;
- Đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm, phần cứng viễn thông (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Đại lý dịch vụ điện tử, tin học, viễn thông, internet và công nghệ thông tin;
- Cung cấp nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng trên máy tính và mạng điện thoại di động;
- Sản xuất, chế biến, khai thác và mua bán khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Mua bán và cho thuê máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường: nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường, nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Công nghệ thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận về sản phẩm doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ điều tra thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ (trừ phương thức vận tải bằng xe buýt và đường sắt);
- Dịch vụ tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất nhập khẩu lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản);
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (*Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp*);

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay";

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Năm 2012, Công ty áp dụng việc chi trả trợ cấp mất việc làm theo Thông 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo đó, khi phát sinh chi trợ cấp mất việc làm Công ty hạch toán khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định tại Thông tư này vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng năm 2012, sau khi chi trả trợ cấp mất việc làm cho cán bộ công nhân viên, nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm còn lại Công ty đã kết chuyển thu nhập khác theo đúng hướng dẫn tại Thông tư nêu trên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

15. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính- *hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.*

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Tiền mặt tại quỹ	129.103.993	8.694.539
Tiền gửi ngân hàng	33.392.685.045	89.651.201
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền		2.200.000.000
Cộng	33.521.789.038	2.298.345.740

2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn		8.229.930.000		8.229.930.000
- Mã chứng khoán VIG	2.129.700	8.229.930.000	2.129.700	8.229.930.000
Cho vay ngắn hạn		159.996.847		4.337.591.512
Công ty CP ĐT PTĐT Sinh thái Văn Trì				345.200.000
Công ty CP CK TM&CN Việt Nam				2.789.101.559
Công ty CP DVTM Cửa Tùng		37.100.179		77.289.953
Cty CP Đầu tư XD và QLKD BĐS Thăng Long				1.020.000.000
Cty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng Long Sơn		122.896.668		106.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn		(3.544.590.000)		(4.396.470.000)
Cộng		4.845.336.847		8.171.051.512

3 . Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Phải thu người lao động	8.719.059	3.137.286
Chi hộ Cty CP QLĐT Thăng Long Phú Thọ	-	7.395.296.175
Lãi dự thu	367.474.883	270.196.471
Phải thu khác (*)	17.020.804.059	2.660.533.216
Cộng	17.396.998.001	10.329.163.148

(*) Trong đó: giá trị các căn hộ dự án Skylight - 125D Minh Khai, Hà Nội hợp tác với Tổng công ty cơ khí xây dựng (COMA) theo Biên bản thống nhất ngày 11/12/2012 là 16.969.047.136 đ.

4 . Hàng tồn kho

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	51.033.443	158.332.988
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.310.809.946	4.780.010.824
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.361.843.389	4.938.343.812
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần hàng tồn kho cuối năm	5.361.843.389	4.938.343.812

5 . Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Tạm ứng	333.489.185	3.818.135.203
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-
Cộng	333.489.185	3.818.135.203

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm		83.715.455	7.197.218.767	808.353.754	8.089.287.976
Số tăng trong năm				50.171.817	50.171.817
- Mua trong năm				50.171.817	50.171.817
- Tăng khác					-
Số giảm trong năm		-	-	-	-
- Giảm khác		-			-
Số dư cuối năm	-	83.715.455	7.197.218.767	858.525.571	8.139.459.793
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		6.397.697	3.430.006.138	391.139.571	3.827.543.406
Số tăng trong năm	-	18.609.757	1.019.285.985	200.583.053	1.238.478.795
- Khấu hao trong năm		18.609.757	1.019.285.985	200.583.053	1.238.478.795
- Tăng khác					-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	-	25.007.454	4.449.292.123	591.722.624	5.066.022.201
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	77.317.758	3.767.212.629	417.214.183	4.261.744.570
Tại ngày cuối năm	-	58.708.001	2.747.926.644	266.802.947	3.073.437.592

- Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2012 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

1.283.228.088

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền Phát hành (*)	Đơn vị tính: đồng Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm	-	-	305.000.000	305.000.000
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	305.000.000	305.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	149.958.337	149.958.337
Số tăng trong năm	-	-	30.500.000	30.500.000
- Khấu hao trong năm	-	-	30.500.000	30.500.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	180.458.337	180.458.337
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	155.041.663	155.041.663
Tại ngày cuối năm	-	-	124.541.663	124.541.663

8 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng CP	Số cuối năm đồng		Số đầu năm đồng	
		Giá trị	Số lượng CP	Giá trị	
Đầu tư vào Công ty con		128.109.796.175		180.174.500.000	
1. Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Thăng Long Phú Thọ	-	-	480.000	36.000.000.000	
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Long Phú Thọ	1.813.530	49.335.296.175	-	-	
3. Công ty CP DV du lịch và Thương mại Cửa Tùng	970.000	26.174.500.000	970.000	26.174.500.000	
4. Công ty CP Toà nhà CNTT - Truyền thông HN	4.000.000	47.500.000.000	4.000.000	47.500.000.000	
5. Công ty Cổ phần Du lịch và Đô thị sinh thái nghỉ dưỡng hồ Đồng Xương Hà Nội	-	-	900.000	32.100.000.000	
6. Công ty CP Đầu tư phát triển đô thị sinh thái Vân Trì	-	-	390.000	33.300.000.000	
7. Công ty CP Truyền thông tài chính chứng khoán Việt Nam	510.000	5.100.000.000	510.000	5.100.000.000	
Đầu tư vào Công ty liên kết		46.290.769.231		2.600.000.000	
8. Công ty CP Đầu tư phát triển đô thị sinh thái Vân Trì	288.000	24.590.769.231	-	-	
9. Công ty Cổ phần Du lịch và Đô thị sinh thái nghỉ dưỡng hồ Đồng Xương Hà Nội	750.000	19.100.000.000	-	-	
10. Công ty Cổ phần Đầu tư Thời báo chứng khoán Việt Nam	260.000	2.600.000.000	-	2.600.000.000	
Đầu tư dài hạn khác		38.026.341.206		31.149.918.547	
11. Công ty Cổ phần tài nguyên khoáng sản và BĐS Thăng Long	1.140.000	17.100.000.000	1.140.000	17.100.000.000	
12. Công ty Cổ phần ĐTXD và QLKD BĐS Thăng Long	-	-	90.000	1.351.350.000	
13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Cao su chất dẻo Đại Mỗ		19.649.621.106	-	11.421.848.447	
14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Tư vấn HANDIC- Đầu tư và PT Nhà Hà Nội		450.000.000	-	450.000.000	
15. Cho Cty TNHH Kỹ thuật XD Hà Nội vay		826.720.100	-	826.720.100	
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn		(17.378.350)		-	
Cộng		212.409.528.262		213.924.418.547	

(2) Là giá trị cổ phần đã góp kèm giá trị quyền góp vốn chiếm tỷ lệ 80% vốn điều lệ của Công ty

(3) Là giá trị cổ phần đã góp kèm giá trị quyền góp vốn chiếm tỷ lệ 80% vốn điều lệ của Công ty

(8) Là giá trị cổ phần đã góp kèm giá trị quyền góp vốn chiếm tỷ lệ 48% vốn điều lệ của Công ty

(9) Là giá trị cổ phần đã góp kèm giá trị quyền góp vốn chiếm tỷ lệ 45% vốn điều lệ của Công ty

(13) Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 20/2010/HĐ-HTĐT ngày 19/04/2010 về việc giao đất lập dự án di chuyển nhà máy để thực hiện dự án Khu nhà ở kinh doanh.

(14) Hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh số 277/HĐ-HTĐT ngày 18/05/2011 giữa Công ty và Công ty cổ phần tư vấn HANDIC - Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội về việc hợp tác kinh doanh dự án "khu nhà ở CBCNV Báo Kinh tế và Đô Thị tại ô đất ký hiệu 8.1 xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

9.1 . Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	705.563.623	567.798.782
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	705.563.623	567.798.782

9.2 . Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Đặt cọc Công ty cổ phần Cao su chất dẻo Đại Mỗ	375.000.000	375.000.000
Đặt cọc Công ty CP Đầu tư và Thương mại Grand Thái Sơn	1.250.000	1.250.000
Đặt cọc Công ty CP Quản lý tài sản IDJ	188.838.000	188.838.000
Đặt cọc Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội	24.659.122	24.659.122
Đặt cọc Công ty TNHH MTV ĐTPT Nông nghiệp Hà Nội	5.000.000.000	7.500.000.000
Đặt cọc HTX Thương mại Láng Hạ	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc Tổng Công ty cơ khí xây dựng COMA	-	5.000.000.000
Cộng	5.594.747.122	13.094.747.122

10 . Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vay ngắn hạn	-	5.780.135.415
- Cty CP Đầu tư KS và VLXD Hà Nội	-	545.000.000
- Vay của Ngân hàng BIDV - Thanh Xuân	-	4.830.370.300
- Vay của Cty CP TNKS và BĐS Thăng Long	-	323.000.000
- Vay của Cty CP Chứng khoán Vics	-	81.765.115
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	93.304.893
- Ngân hàng ANZ	-	20.221.905
- Ngân hàng HSBC	-	73.082.988
Cộng	-	5.873.440.308

11 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	695.616.714	378.078.705
Thuế thu nhập cá nhân	135.687.859	83.301.139
Thuế tài nguyên	-	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	831.304.573	461.379.844

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . Chi phí phải trả

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Lãi vay phải trả	1.620.551.004	3.958.911.049
Chi phí phải trả khác	-	203.470.524
Cộng	1.620.551.004	4.162.381.573

13 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	132.493	20.110.268
Bảo hiểm y tế	14.564.661	3.593.423
Bảo hiểm thất nghiệp	594.531	1.654.241
Nhận đặt cọc Cty cổ phần Bất động sản Megastar	-	12.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản & Vật liệu xây dựng HN	4.303.208.674	3.905.818.000
Công ty CP Chứng khoán TM&CN Việt Nam (*)	8.209.070.403	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	260.753.011	256.364.000
Cộng	12.788.323.773	16.187.539.932

(*) Là khoản tiền phải trả Công ty CP Chứng khoán TM&CN Việt Nam (VIG) sau khi chuyển nhượng xong các căn hộ thuộc dự án Skylight - 125D Minh Khai, Hà Nội mà TIG và VIG đã hợp tác đầu tư với Tổng công ty cơ khí xây dựng (COMA) và được phân bổ lại số các căn hộ theo tỷ lệ vốn góp, VIG đã ủy quyền cho TIG đại diện bán hàng cho VIG theo Biên bản làm việc ngày 12/12/2012.

14 . Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Nhận đặt cọc Cty cổ phần Bất động sản Megastar (*)	12.000.000.000	-
Cộng	12.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền đặt cọc của Công ty Cổ phần Bất động sản Megastar về việc thuê hoặc mua một phần diện tích sàn xây dựng văn phòng của Dự án Tòa nhà Văn phòng, Trung tâm thương mại Dịch vụ tại Lô đất 3-E9, khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội theo biên bản thỏa thuận ngày 28/06/2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long với Công ty Cổ phần Bất động sản Magastar.

15 . Vay dài hạn và nợ dài hạn

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vay dài hạn	53.436.346.182	59.885.510.292
Vay ngân hàng HSBC		6.090.212
Vay tiền Cty CP Đầu tư Thời báo CK Việt Nam (1)	3.630.000.000	4.200.000.000
Vay tiền Cty CP Truyền thông TCCK Việt Nam (2)	6.766.146.182	5.581.146.182
Vay tiền Cty CP QLĐT Thăng Long - Phú Thọ	-	12.328.826.684
Vay tiền Cty TNKS và BĐS Thăng Long (3)	23.271.200.000	4.631.000.000
Vay tiền Cty Đầu tư KS và VLXD Hà Nội (4)	5.908.000.000	-
Vay tiền của Cty CP Tòa nhà CNTT - Truyền thông	-	33.138.447.214
Vay tiền của Cty CP ĐTXD và QLKD BĐS Thăng Long (5)	9.365.000.000	-
Vay tiền của các cá nhân	4.496.000.000	-
Cộng	53.436.346.182	59.885.510.292

(1) Hợp đồng vay số 428/HĐVT/PTI-TIG ngày 22/9/2011, số tiền: 4.200.000.000 đồng, kỳ hạn 18 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi không kì hạn của NH TMCP Ngoại thương VN. Mục đích vay: bổ sung VLD.

(2) Hợp đồng vay tiền số 25.7/HĐVT ngày 25/7/2011, số tiền 8.621.514.782 đồng, kỳ hạn 18 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của NH Ngoại thương tại thời điểm tính lãi. Mục đích vay: bổ sung VLD.

(3.1) Hợp đồng vay tiền số 15.8/HĐVT ngày 15/8/2012 giữa Công ty CP TNKS và BĐS Thăng Long và Công ty CP Tập đoàn đầu tư Thăng Long. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ việc kinh doanh. Thời hạn 18 tháng, lãi suất vay vốn bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm vay.

(3.2) Hợp đồng vay tiền số 218/HĐVT ngày 31/8/2012 giữa Công ty CP TNKS và BĐS Thăng Long và Công ty CP Tập đoàn đầu tư Thăng Long. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ việc kinh doanh. Thời hạn 18 tháng, lãi suất vay vốn bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm vay.

(4) Hợp đồng vay tiền số 157/HĐVT ngày 15/7/2012 giữa Công ty CP Đầu tư xây dựng và VLXD Hà Nội và Công ty CP Tập đoàn đầu tư Thăng Long. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ việc kinh doanh. Thời hạn 18 tháng, lãi suất vay vốn bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm vay.

(5) Hợp đồng vay tiền số 158/HĐVT ngày 15/8/2012 giữa Công ty CP Đầu tư xây dựng và QLKD BĐS Thăng Long và Công ty CP Tập đoàn đầu tư Thăng Long. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ việc kinh doanh. Thời hạn 18 tháng, lãi suất vay vốn bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm vay.

16 . Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Doanh thu thi công toà nhà Viettel tại Quảng Ngãi	2.366.086.182	2.366.086.182
Doanh thu nhận chuyển nhượng căn hộ dự án Skylight Cộng	2.970.635.179	-
	5.336.721.361	2.366.086.182

17 . Vốn chủ sở hữu

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc VCSH	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm	150.000.000.000	-	989.269.170	989.269.170	-	20.092.753.678
Tăng vốn năm trước	15.000.000.000	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	450.804.118
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(19.337.076.680)
Số dư đầu năm	165.000.000.000	-	989.269.170	989.269.170	-	1.206.481.116
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	698.209.109
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(412.597.581)
Số dư cuối năm	165.000.000.000	-	989.269.170	989.269.170	-	1.492.092.644

(*) Thanh toán thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2012.

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông khác	165.000.000.000	165.000.000.000
Cộng	165.000.000.000	165.000.000.000

17.3. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	165.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	15.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	165.000.000.000	165.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.500.000	16.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu	-	-

17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	698.209.109	450.804.118
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	698.209.109	450.804.118
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.500.000	15.750.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	42	29

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**18 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Doanh thu xây lắp	7.317.945.455	6.319.539.091
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.961.790.404	-
Doanh thu khác	312.142.648	771.865.205
Cộng	9.591.878.507	7.091.404.296

19 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Doanh thu thuần xây lắp	7.317.945.455	6.319.539.091
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	1.961.790.404	-
Doanh thu khác	312.142.648	771.865.205
Cộng	9.591.878.507	7.091.404.296

20 . Giá vốn hàng bán	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.908.440.877	6.123.058.174
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.828.890.444	-
Giá vốn khác	232.860.814	362.248.582
Cộng	8.970.192.135	6.485.306.756
21 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền gửi, cho vay, đặt cọc	6.921.352.993	2.109.618.860
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	3.334.650.000	14.005.169.150
Cộng	10.256.002.993	16.114.788.010
22 . Chi phí tài chính	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền vay	2.112.560.184	5.120.329.443
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(834.501.650)	-
Lỗ chuyển nhượng cổ phiếu	1.209.000.769	-
Chi phí tài chính khác	-	4.396.470.000
Cộng	2.487.059.303	9.516.799.443
23 . Thu nhập khác	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Thu thanh lý tài sản	-	98.950.000
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	12.342.000	-
Thu nhập khác	-	2.965.674
Cộng	12.342.000	101.915.674
24 . Chi phí khác	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Tài trợ, ủng hộ, từ thiện	-	80.000.000
Nộp phạt hành chính	-	94.002.000
Lãi chậm trả bảo hiểm	4.754.475	-
Chi phí công trình Quang Nam tạm dừng thi công	69.354.497	-
Chi phí khác	22.016.320	3.538.171
Cộng	96.125.292	177.540.171
25 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay đồng	Năm nay đồng
a. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.126.040.766	828.882.823
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế TNDN	585.285.863	683.432.001
b1. Khoản điều chỉnh tăng	585.285.863	683.432.001
b2. Khoản điều chỉnh giảm:	-	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a-b)	1.711.326.629	1.512.314.824
d. Thuế TNDN phải nộp (c*25%)	427.831.657	378.078.705
f. Thuế TNDN tính trước 1% tiền thu KD bất động sản	29.706.352	-
Cộng	457.538.009	378.078.705

26 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Chi phí nguyên vật liệu	4.822.046.638	4.738.242.357
Chi phí nhân công	4.365.041.901	5.977.297.422
Chi phí khấu hao	1.238.478.795	1.201.626.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.722.644.736	5.110.023.548
	<u>17.148.212.070</u>	<u>17.027.189.722</u>

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LCTT**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

	Chi bằng tiền	Bù trừ công nợ	Tổng
01. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(41.940.000.000)	(7.395.296.175)	(49.335.296.175)
02. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	37.351.350.000	23.834.650.000	61.186.000.000

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

	Chi bằng tiền	Bù trừ công nợ	Tổng
03. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	67.836.629.700	7.893.973.449	75.730.603.149
04. Tiền chi trả nợ gốc vay	(65.617.975.567)	(22.435.232.000)	(88.053.207.567)

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Cty CP Đầu tư phát triển đô thị sinh thái Vân Trì	Công ty liên kết	Trả tiền vay	345.200.000
2	Công ty CP Truyền thông TCKK Việt Nam	Công ty con	Nhận vay	1.185.000.000
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Long Phú Thọ	Công ty con	Góp vốn	18.155.296.175
			Doanh thu dịch vụ	99.000.000
4	Công ty CP Đầu tư Thời báo chứng khoán Việt Nam	Công ty liên kết	Trả tiền vay	570.000.000
5	Công ty CP Tòa nhà CNTT - Truyền thông Hà Nội	Công ty con	Trả tiền vay	36.737.420.663
			Doanh thu xây lắp	1.595.000.000
			Doanh thu dịch vụ	211.200.000
			Vay tiền	3.598.973.449
6	Cty CP CK Thương mại & Công nghiệp VN	Công ty liên quan	Trả tiền vay	5.535.176.915
		Công ty liên quan	Cho vay	2.746.075.356
7	Công ty CP Dịch vụ du lịch và Thương mại Cửa Tùng	Công ty con	Trả tiền vay	40.189.774

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau

TT	Các bên liên quan	Phải thu/Phải trả	Số tiền
1	Công ty CP DV du lịch và Thương mại Cửa Tùng	Phải thu	109.819.098
2	Cty CP Đầu tư Thăng Long Phú Thọ	Phải thu	14.868.179
3	Công ty CP Truyền thông TCKK Việt Nam	Phải trả gốc vay	6.766.146.182
		Phải trả lãi	190.819.625
4	Công ty CP Đầu tư Thời báo chứng khoán Việt Nam	Phải trả gốc vay	3.630.000.000
		Phải trả lãi	116.137.966
5	Công ty CP Tòa nhà CNTT - Truyền thông Hà Nội	Phải trả gốc vay	-
		Phải trả lãi	467.187.261
6	Cty CP CK Thương mại & Công nghiệp VN	Phải trả	8.209.070.403
	Tổng cộng		19.504.048.714

Thù lao, lương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc trong năm 2012

Đơn vị tính: đồng			
TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
1	Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty	343.240.000
2	Ông Lê Văn Châu	Phó Chủ tịch HĐQT	40.000.000
3	Ông Trần Xuân Đại Thắng	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty	285.617.300
4	Bà Hồ Thanh Hương	Thành viên HĐQT	8.000.000
5	Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó tổng giám đốc Công ty	227.600.000
6	Ông Torsten ILLgen	Phó tổng giám đốc Công ty	16.575.000
7	Ông Nguyễn Hải Văn	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000
8	Bà Nguyễn Thị Việt	Thành viên BKS	36.000.000
9	Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên BKS	24.000.000
10	Bà Vũ Thu Thủy	Thành viên BKS	12.000.000
	Tổng cộng		1.041.032.300

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu: Công ty không lập Báo cáo theo lĩnh vực địa lý vì doanh thu chỉ phát sinh ở một địa bàn.

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

	Xây dựng	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.317.945.455	2.273.933.052	9.591.878.507
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.120.496.291	148.482.504	1.268.978.795
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	50.171.817	-	50.171.817

3 . Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012 đồng	01/01/2012 đồng	31/12/2012 đồng	01/01/2012 đồng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.521.789.038	2.298.345.740	33.521.789.038	2.298.345.740
Phải thu khách hàng	2.439.840.912	2.511.993.489	2.439.840.912	2.511.993.489
Đầu tư tài chính ngắn và dài hạn	220.816.833.459	226.491.940.059	217.254.865.109	222.095.470.059
Phải thu khác	17.396.998.001	10.329.163.148	17.396.998.001	10.329.163.148
Cộng	274.175.461.410	241.631.442.436	270.613.493.060	237.234.972.436
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	27.494.282.440	24.484.463.368	27.494.282.440	24.484.463.368
Chi phí phải trả	1.620.551.004	4.162.381.573	1.620.551.004	4.162.381.573
Các khoản vay	53.436.346.182	65.758.950.600	53.436.346.182	65.758.950.600
Cộng	82.551.179.626	94.405.795.541	82.551.179.626	94.405.795.541

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

4 . Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho các đơn vị khác tại ngày 31/12/2012.

5 . Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Các khoản vay	-	53.436.346.182	53.436.346.182
Phải trả người bán	2.705.958.667	-	2.705.958.667
Chi phí phải trả	1.620.551.004	-	1.620.551.004
Phải trả khác	12.788.323.773	12.000.000.000	24.788.323.773
Số đầu năm			
Các khoản vay	5.873.440.308	59.885.510.292	65.758.950.600
Phải trả người bán	8.296.923.436	-	8.296.923.436
Chi phí phải trả	4.162.381.573	-	4.162.381.573
Phải trả khác	16.187.539.932	-	16.187.539.932

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8 . Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

9 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K.

Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng



Trần Xuân Đại Thắng

TP.Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phúc Long